

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TƯ NGHĨA  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS-ST

Ngày: 31-3-2021

V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Na Na

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Bốn

2. Bà Ngô Thị Mai Du

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2021/QĐST-DS ngày 15/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện L;

Địa chỉ: Tòa nhà Capital T, số , Trần H, phường C, Quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện L;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh N - Giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu điện L, Chi nhánh D - Văn bản ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/06/2017 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu điện L.

Địa chỉ: 01 A, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi,

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc P, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn , xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Lê Thị Ngọc P vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 30/9/2020 và quá trình giải quyết vụ án; ông Lê Thanh N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Bưu điện L (viết tắt là Ngân hàng) trình bày:*

Ngày 12/05/2017, bà Lê Thị Ngọc P được Ngân hàng TMCP Bưu điện L, Chi nhánh D, Phòng giao dịch H cấp tín dụng cho vay với số tiền là: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn) theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HDTD401201768 ngày 12/05/2017. Số tiền đã nhận nợ: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn). Mục đích vay: Tiêu dùng - Mua sắm đồ dùng gia đình. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ tiếp theo ngày nhận nợ đầu tiên. Kỳ hạn trả gốc: Nợ gốc được trả vào ngày 15 hàng tháng, trả trong vòng 60 tháng. Số tiền phải trả hàng tháng từ tháng thứ 01 đến tháng thứ 60 là 2.500.000 đồng. Kỳ hạn trả lãi: Lãi tính theo dư nợ gốc thực tế và được trả hàng tháng cùng với ngày trả nợ gốc. Lãi suất cho vay trong hạn hiện tại: 12,5%/năm. Lãi suất nợ gốc quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (ngày chuyển nợ quá hạn là 16/06/2018 và lãi suất áp dụng theo khoản 2.4 điều 2 của Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ). Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm (quy định tại khoản 2.4 Điều 2 của Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ). Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Không có.

Sau khi Hợp đồng được ký kết, bà Lê Thị Ngọc P đã nhận đủ tiền vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên. Tuy nhiên, trong quá trình trả nợ vay bà P không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký kết tại hợp đồng. Từ khi vay cho đến nay, bà Lê Thị Ngọc P đã trả cho Ngân hàng được tổng số tiền: 47.526.183 đồng, trong đó nợ gốc đã trả là 30.000.000 đồng; tiền lãi đã trả 17.526.183 đồng. Bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 4 của Hợp đồng nên toàn bộ khoản vay chuyển sang nợ quá hạn kể từ 16/6/2018. Tính đến ngày 31/3/2021, bà Lê Thị Ngọc P còn nợ Ngân hàng tổng số tiền: 171.337.534 đồng (một trăm bảy mươi một triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi bốn đồng); trong đó nợ gốc 120.000.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 28.244.651 đồng; nợ lãi trong hạn 194.444 đồng; lãi phạt gốc phải trả 22.898.438 đồng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Ngọc P phải trả cho Ngân hàng số nợ trên, đồng thời yêu cầu bà P phải trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng kể từ ngày 01/4/2021 cho đến khi trả nợ xong cho Ngân hàng.

\* *Đối với bị đơn bà Lê Thị Ngọc P:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Lê Thị Ngọc P, nhưng bà Lê Thị Ngọc P không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu chứng cứ; không đến Tòa án làm việc và không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Căn cứ quy định tại khoản 4

Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/3/2021: 171.337.534 đồng (Một trăm bảy mươi một triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi bốn đồng); trong đó nợ gốc là 120.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 194.444 đồng, nợ lãi quá hạn 28.244.651 đồng và lãi phạt gốc phải trả 22.989.438 đồng.

Bà Lê Thị Ngọc P còn phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng cho đến khi thực hiện xong Hợp đồng tín dụng.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện L khởi kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Lê Thị Ngọc P. Trong vụ án này bà Lê Thị Ngọc P không có đăng ký kinh doanh, vay tiền nhằm mục đích tiêu dùng và tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thì bà Lê Thị Ngọc P có địa chỉ xã N, huyện T. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án dân sự “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Tại phiên tòa, Nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện L vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Ngọc P đã thay đổi nơi cư trú, không còn cư trú tại xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, nhưng lại không thông báo cho Ngân hàng biết là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Lê Thị Ngọc P tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà Lê Thị Ngọc P đã vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có

tại hồ sơ vụ án để tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1; 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ của nguyên đơn:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, có đủ căn cứ để xác định: Hợp đồng tín dụng số HDTD401201768 ngày 12/05/2017 giữa Ngân hàng ký kết với bà Lê Thị Ngọc P là hợp pháp nên có giá trị làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong hợp đồng. Sau khi hợp đồng được ký kết, bà Lê Thị Ngọc P đã nhận đủ số tiền vay là 150.000.000đồng, nhưng sau đó lại vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã được ký kết.

Cụ thể: Từ khi vay cho đến nay bà Lê Thị Ngọc P chỉ mới trả cho Ngân hàng tổng số tiền 47.526.183 đồng, trong đó nợ gốc đã trả là 30.000.000đồng; tiền nợ lãi đã trả 17.526.183đồng, thời điểm trả nợ cuối cùng là ngày 15/5/2018, từ đó đến nay bà Lê Thị Ngọc P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy, bà Lê Thị Ngọc P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 4 mục 4.1 và mục 4.2; Điều 7 của Hợp đồng. Theo quy định tại mục 7.1 Điều 7 của Hợp đồng thì: *“Khoản vay sẽ bị bên cho vay chấm dứt cho vay và thu hồi vốn vay trước hạn trong trường hợp: Bên vay vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng”*. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Ngọc P phải trả nợ gốc và lãi, lãi phạt gốc là phù hợp với Hợp đồng đã được ký kết; phù hợp các với các quy định tại các Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và các Điều 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nợ gốc và lãi phải trả:

[2.2.1] Về nợ gốc: Sau khi Hợp đồng được ký kết thì bà Lê Thị Ngọc P đã thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi từ ngày 15/5/2017 đến 15/5/2018 (12 tháng), theo đó số tiền gốc đã trả là 12 tháng x 2.500.000đồng = 30.000.000đồng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu bà Lê Thị Ngọc P phải trả cho Ngân hàng số tiền (150.000.000đồng, nợ gốc vay - 30.000.000đồng, nợ gốc đã trả) = 120.000.000đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) là phù hợp với số tiền gốc đã vay, tiền gốc đã trả và phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2.2] Về nợ lãi: Hội đồng xét xử xét thấy từ tháng 6 năm 2018 đến nay bà Lê Thị Ngọc P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Do đó, ngoài việc phải trả tiền lãi trong hạn, thì bà Lê Thị Ngọc P còn phải phải tiền lãi quá hạn và lãi suất nợ lãi chậm trả theo quy định tại mục 2.4 Điều 2 Hợp đồng đã được ký kết. Mức lãi suất quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả thực hiện theo mức thỏa thuận tại mục 4.5 Điều 4 của Hợp đồng (lãi suất trong hạn 12.5% năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả 10%/năm. Cụ thể số tiền lãi bà Lê Thị Ngọc P phải trả cho Ngân hàng tính đến

ngày 31/3/2021 là: Lãi trong hạn 194.444đồng, lãi quá hạn 28.244.651đồng và lãi phạt gốc 22.898.438đồng. Tổng số tiền lãi mà bà P phải trả cho Ngân hàng là 51.337.534đồng (Năm mươi một triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi bốn đồng). Xét yêu cầu trả lãi của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại các Điều 466; 468 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bà Lê Thị Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền  $(120.000.000 \text{ đồng} + 51.337.534 \text{ đồng}) \times 5\% = 8.556.876 \text{ đồng}$  (Tám triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm bảy mươi sáu đồng).

Ngân hàng không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

Vì những lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1; 3 Điều 228; Điều 147, 235, 266, 271 và 273; 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 357; 463; 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện L. Buộc bà Lê Thị Ngọc P phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần bưu điện L tổng số tiền là 171.337.534 đồng (Một trăm bảy mươi một triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm ba mươi bốn đồng); trong đó nợ gốc là 120.000.000đồng, nợ lãi trong hạn 194.444 đồng, nợ lãi quá hạn 28.244.651 đồng và lãi phạt gốc phải trả 22.989.438 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (31/3/2021) cho đến khi thi hành án xong các khoản nợ, bà Lê Thị Ngọc P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HDTD401201768 ngày 12/05/2017.

3. Về án phí:

Bà Lê Thị Ngọc P phải chịu 8.556.876 đồng (Tám triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm bảy mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.012.485 đồng (Bốn triệu, không trăm mười hai nghìn, bốn trăm tám mươi lăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0005597 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Na Na**